



QUÁI VẬT ĐẢO JEKYLL: LẬT LẠI HỒ SƠ CỤC DỰ TRỮ LIÊN BANG (CH. 5)

Nguồn: G. Edward Griffin, "Nearer to Heart's Desire", in G.E. Griffin, *The Creature from Jekyll Island: A Second Look at the Federal Reserve* (5th Edition) (California: American Media, 2010), Chapter 5.

Biên dịch và Hiệu đính: Ngô Thị Thu Hương

CHƯƠNG 5: GẦN HƠN VỚI ƯỚC VỌNG CỦA TRÁI TIM

Nội dung chính: Cuộc họp năm 1944 tại Bretton Woods, New Hampshire, nơi những nhà xã hội có ảnh hưởng nhất thế giới thành lập Quỹ Tiền tệ Quốc tế và Ngân hàng Thế giới như là những cơ chế nhằm loại bỏ vàng khỏi nền tài chính thế giới; chương trình nghị sự được che giấu của IMF/Ngân hàng Thế giới là việc xây dựng chủ nghĩa xã hội thế giới; vai trò của Cục Dự trữ Liên bang trong vấn đề này.

Như chúng ta đã thấy, trò chơi có tên Giải cứu đã được diễn đi diễn lại khi giải cứu các tập đoàn lớn, các ngân hàng trong nước, và các quỹ tín dụng. Cái cốt được đưa ra là những biện pháp này là cần thiết để bảo vệ người dân. Tuy nhiên, kết quả lại hoàn toàn trái ngược.

Người dân đã bị lợi dụng khi hàng tỷ đô la bị chiếm đoạt thông qua thuế và lạm phát. Số tiền đó được dùng để bù đắp cho những khoản thua lỗ mà lẽ ra các ngân hàng và tập đoàn làm ăn yếu kém phải trả như là hình phạt cho khả năng quản lý kém cỏi và sự gian lận của mình.

Trong khi điều này diễn ra tại sân nhà của chúng ta thì trò chơi tương tự cũng đang diễn ra trên trường quốc tế. Có hai điểm khác biệt chính. Thứ nhất là lượng tiền rủi ro trong trò chơi quốc tế lớn hơn nhiều. Thông qua một đám bùng nhùng gồm các khoản trợ cấp và cho vay, Cục Dự trữ Liên bang trở thành “người cho vay cuối cùng” của gần như toàn thế giới. Điểm khác biệt thứ hai là thay vì tuyên bố mình là *Người bảo vệ Công chúng*, những người tham gia cuộc chơi dàn dòng chữ *Người Cứu rỗi Thế giới* sau lưng bộ đồng phục của mình

Bretton Woods: cuộc tấn công vào vàng

Trò chơi bắt đầu tại một cuộc họp của các nhà tài phiệt, chính trị gia và lý thuyết gia diễn ra vào tháng 7 năm 1944 tại Khách sạn Mount Washington, Bretton Woods, New Hampshire. Tên chính thức của nó là Hội nghị Tài chính và Tiền tệ của Liên Hợp Quốc, nhưng ngày nay người ta thường gọi nó một cách đơn giản là Hội nghị Bretton Woods. Hai tổ chức quốc tế được thành lập tại cuộc họp này là Quỹ Tiền tệ Quốc tế và người anh em của nó là Ngân hàng Tái thiết và Phát triển Quốc tế - thường được gọi là Ngân hàng Thế giới.

Mục đích được công bố của các tổ chức này thật đáng ngưỡng mộ. Ngân hàng thế giới sẽ cho những nước bị chiến tranh tàn phá và kém phát triển vay tiền để giúp các nước này xây dựng nền kinh tế mạnh hơn. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) sẽ thúc đẩy hợp tác tiền tệ giữa các quốc gia thông qua việc duy trì tỷ giá hối đoái cố định giữa các đồng tiền. Nhưng cách mà các mục tiêu này được thực hiện thì không đáng ngưỡng mộ lắm. Đó là chấm dứt việc sử dụng vàng làm cơ sở trao đổi tiền tệ quốc tế và thay thế nó bằng bản vị tiền giấy bị thao túng bằng chính trị. Nói cách khác, nó cho phép các chính phủ thoát khỏi sự kiểm soát của vàng để có thể thoải mái tạo ra tiền mà không phải trả cái giá là đồng tiền nước mình bị giảm giá trị trên thị trường thế giới.

Trước khi hội nghị này diễn ra, các đồng tiền được trao đổi dựa trên giá trị quy ra vàng của chúng, và thỏa thuận này được gọi là “bản vị trao đổi bằng vàng” (gold-exchange standard). Điều này khác với “bản vị vàng” (gold-standard), theo đó một đồng tiền được bảo đảm bởi vàng. Chỉ có tỷ giá hối đoái của các đồng tiền khác nhau – phần lớn các đồng tiền này không được bảo đảm bởi vàng – là được xác định bởi lượng vàng mà nó có thể mua được trên thị trường mở. Do đó, giá trị của các đồng tiền này được xác định bởi cung và cầu. Các chính trị gia và chủ ngân hàng ghét thỏa thuận này bởi vì nó nằm ngoài khả năng thao túng của họ. Trong quá khứ, nó từng là một cơ chế rất hiệu quả nhưng cũng rất chặt chẽ. Theo John Kenneth Galbraith:

Các thỏa thuận Bretton Woods tìm cách lấy lại những lợi thế của bản vị vàng – các đồng tiền có thể được quy ra vàng với tỷ giá ổn định và dự đoán được, và do đó được trao đổi với nhau với tỷ giá ổn định và dự đoán được. Và nó tìm cách thực hiện điều này trong khi tối thiểu hóa những thiệt hại mà bản vị vàng gây ra cho những nước mua quá nhiều, bán quá ít và do đó mất vàng.¹

Phương thức để đạt mục tiêu này giống hệt như phương thức được sinh ra trong cuộc họp ở đảo Jekyll cho phép các ngân hàng Mỹ tạo ra tiền từ con số không mà không lo phải trả giá khi đồng tiền bị các ngân hàng khác hạ giá. Đó là sự ra đời của một ngân hàng trung ương thế giới, nơi sẽ tạo ra một loại tín tệ (*fiat money - tức tiền giấy không được đảm bảo bởi kim loại quý - NBT*) chung cho tất cả các nước và sau đó yêu cầu các nước này phải gây lạm phát cùng lúc với tỷ lệ như nhau. Sẽ có một quỹ bảo hiểm quốc tế bơm loại tín tệ này vào bất kỳ nước nào đang tạm thời cần nó để đối phó với tình trạng đột biến rút tiền gửi đối với đồng tiền của mình. Hệ thống này chưa có đầy đủ những chức năng như vậy ngay từ khi mới sinh ra, cũng như Cục Dự trữ Liên bang chưa hoàn chỉnh ngay khi mới được thành lập. Tuy nhiên, kế hoạch là như vậy, và nó được khởi động với tất cả các cơ chế đã sẵn sàng.

Các lý thuyết gia xây dựng nên bản kế hoạch này bao gồm một nhà xã hội chủ nghĩa thuộc Hội Fabian (Fabian Society) từ Anh, John Maynard Keynes,² và Trợ lý Bộ trưởng Tài chính Hoa Kỳ, Harry Dexter White.

Hội Fabian

Các thành viên Hội Fabian ban đầu là một nhóm trí thức cao cấp, họ lập ra một hội nửa kín với mục đích đưa chủ nghĩa xã hội ra thế giới. Trong khi những người Cộng sản muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội một cách nhanh chóng thông qua bạo lực và cách mạng thì các thành viên Hội Fabian muốn làm điều đó một cách tiệm tiến thông qua tuyên truyền và luật pháp. Từ chủ nghĩa xã hội không được nhấn mạnh. Thay vào đó, họ nói về lợi ích dành cho người dân như phúc lợi, chăm sóc y tế, lương cao hơn và điều kiện làm việc tốt hơn. Bằng cách này, họ dự định đạt được mục tiêu mà không phải đổ máu và thậm chí không gặp phải kháng cự nghiêm trọng nào. Họ miệt thị những người theo Chủ nghĩa Cộng sản, không phải bởi vì không thích các mục tiêu mà vì không đồng tình với phương pháp của những người

¹ John Kenneth Galbraith, *Money: Whence It Came, Where It Went* (Boston: Houghton Mifflin, 1975), pp. 258, 259.

² Keynes thường được mô tả là một người theo trường phái tự do. Về sự liên hệ của ông với những người theo trường phái Fabian và sự nghiệp của họ, xem Rose Martin, *Fabian Freeway: High Road to Socialism in the U.S.A.* (Boston: Western Islands, 1966).

này. Để nhấn mạnh tầm quan trọng của phương pháp tiệm tiến, họ lấy con rùa làm biểu tượng cho phong trào của mình. Ba nhà lãnh đạo nổi bật nhất trong những ngày đầu của phong trào là Sidney Webb, Beatrice Webb và George Bernard Shaw. Trên tấm cửa sổ bằng kính màu ở tư gia của Beatrice Webb tại Surrey, Anh có những thứ mang rất nhiều hàm ý. Phía trên tấm kính viết những dòng thơ cuối cùng của Omar Khayyam:

Hỡi người yêu, hãy cùng ta thông đồng với số phận

Nắm lấy cái hệ thống đáng hổ thẹn này

Đập nó tan thành từng mảnh, và rồi

Biến nó gần hơn với ước vọng của trái tim

Phía dưới dòng chữ *Biến nó gần hơn với ước vọng của trái tim* là bức bích họa vẽ hình Shaw và Webb dùng búa nện vào trái đất. Dưới cùng là đám đông quỳ xuống cầu nguyện trước một chồng sách về lý thuyết xã hội chủ nghĩa. Người đang nhạo báng đám đông ngoan ngoãn là H.G. Wells. Sau khi rời Hội Fabian, Wells chỉ trích các thành viên của Hội là “những người theo chủ nghĩa Machiavelli mới.” Tuy nhiên, hình ảnh thể hiện rõ nhất bản chất của Hội Fabian chính là biểu trưng của Hội được vẽ giữa Shaw và Webb. Đó là hình một con sói đội lốt cừu!³

Điệp viên cộng sản

Harry Dexter White là chuyên gia kỹ thuật chính và là người thúc đẩy chủ yếu đằng sau Hội nghị Bretton Woods. Sau này ông sẽ trở thành Giám đốc điều hành người Mỹ đầu tiên tại IMF. Một thông tin thú vị liên quan, đó là White là thành viên của Hội đồng Quan hệ Đối ngoại (CFR) và đồng thời là thành viên của một nhóm gián điệp Cộng sản ở Washington trong khi đương chức Trợ lý Bộ trưởng Tài chính. Còn thú vị hơn nữa khi biết rằng Nhà Trắng đã biết thông tin này khi Tổng thống Truman bổ nhiệm White vào chức vụ trên. FBI đã chuyển cho Nhà Trắng các bằng chứng chi tiết về hoạt động của White trong ít nhất là hai phi vụ.⁴

³ Xem Zygmund Dobbs, *The Great Deceit: Social Pseudo-Sciences* (West Sayville, New York: Veritas Foundation, 1964), p. 1. Xem thêm Rose L. Martin, *Fabian Freeway: High Road to Socialism in the U.S.A.* (Boston: Western Islands, 1966), pp. 30, 31.

⁴ Xem David Rees, *Harry Dexter White: A Study in Paradox* (New York: Coward, McCann & Geoghegan, 1973); Whittaker Chambers, *Witness* (New York: Random House, 1952); Allen Weinstein, *Perjury: The Hiss-Chambers Case* (New York: Vintage Books, 1978); James Burnham, *The Web of Subversion: Underground Networks in the U.S. Government* (New York: The John Day Co., 1954); Elizabeth Bentley, *Out of Bondage* (New York: Devin-Adair, 1951)

Thư ký kỹ thuật tại Hội nghị Bretton Woods là Virginius Frank Coe, một thành viên của chính nhóm gián điệp mà White tham gia. Sau này Coe trở thành Thư ký đầu tiên của IMF.

Như vậy, một vở kịch phức tạp đang bí mật diễn ra, và công chúng hoàn toàn bị che mắt, trong đó những bộ óc trí thức dẫn dắt hội nghị Bretton Woods là các thành viên Hội Fabian và những người theo Chủ nghĩa Cộng sản. Mặc dù bất đồng về phương pháp nhưng những người tham dự hoàn toàn đồng thuận về mục tiêu: chủ nghĩa xã hội quốc tế.

Không có gì nghi ngờ về việc những người Cộng sản có lý do khác để nhiệt tình với IMF và Ngân hàng Thế giới, mặc dù Liên Xô lúc đó không được trở thành thành viên. Mục tiêu của các tổ chức này là tạo ra một loại tiền tệ quốc tế, một ngân hàng trung ương thế giới, và một cơ chế kiểm soát nền kinh tế của tất cả các quốc gia. Để làm được điều này, Mỹ nhất thiết phải từ bỏ địa vị thống trị. Trên thực tế, Mỹ sẽ chỉ còn là một bộ phận trong tổng thể. Điều này phù hợp hoàn hảo với kế hoạch của Liên Xô. Hơn nữa, Ngân hàng Thế giới được xem là một công cụ để chuyển tư bản từ Mỹ và các nước công nghiệp khác sang các nước kém phát triển, chính là những nước mà những người Mác-xít luôn có ảnh hưởng lớn nhất.

Họ mong chờ ngày mà chúng ta sẽ thanh toán các hóa đơn cho họ. Ngày đó đã đến.

Cơ cấu và nguồn vốn của IMF

Quỹ Tiền tệ Quốc tế bề ngoài tưởng chừng là một cơ quan của Liên Hợp Quốc, giống như Cục Dự trữ Liên bang có vẻ như là một cơ quan của chính phủ Mỹ, nhưng thực ra nó hoàn toàn độc lập. Nguồn vốn của IMF do gần 200 quốc gia thành viên đóng góp theo quota. Nguồn đóng góp lớn nhất đến từ các nước công nghiệp phát triển như Anh, Nhật Bản, Pháp và Đức. Mỹ góp phần lớn nhất, khoảng 20%. Trên thực tế, con số 20% đó có giá trị gấp đôi, bởi vì phần lớn các nước đóng góp bằng đồng nội tệ vô giá trị và không ai muốn. Thế giới thích đồng đô la hơn.

Một trong những hoạt động thường xuyên của IMF là đổi các đồng nội tệ vô giá trị sang đồng đô la để các nước nghèo có thể thanh toán các hóa đơn quốc tế của họ. Điều này nhằm giải quyết vấn đề "dòng tiền" tạm thời. Nó là một hình thức giống như Công ty Bảo hiểm Tiền gửi Liên bang (FDIC), có chức năng đổ tiền vào một nước đã bị phá sản để nước đó có thể tránh phá giá đồng tiền. Các khoản vay này hiếm khi được trả lại.

Mặc dù thoát khỏi bản vị trao đổi bằng vàng là mục tiêu dài hạn của IMF, cách duy nhất để thuyết phục các quốc gia tham gia từ lúc ban đầu là dùng chính vàng để bảo đảm cho nguồn cung tiền của IMF – ít nhất như là một biện pháp tạm thời. Keynes giải thích:

Tôi cho rằng các ngân hàng trung ương hàng đầu sẽ không bao giờ từ bỏ những hình thức bản vị vàng đang tồn tại; và tôi không muốn có một thảm họa đủ ghê gớm để khiến họ thay đổi một cách không tự nguyện. Hy vọng duy nhất khả thi nằm ở sự phát triển tiệm tiến dưới hình thức một đồng tiền quốc tế được quản lý, lấy bản vị vàng hiện có làm điểm xuất phát.⁵

Vào thời điểm đó việc sở hữu vàng là trái pháp luật đối với người Mỹ, nhưng bất kỳ ai khác trên thế giới cũng đều có thể đổi đồng đô la sang vàng với giá 35 đô la một ounce. Điều này làm cho đồng đô la trở thành đồng tiền quốc tế *trên thực tế*, bởi vì, không giống như bất kỳ đồng tiền nào khác vào thời điểm đó, giá trị của nó được bảo đảm. Như vậy, ngay từ ban đầu, IMF đã chấp nhận đồng đô la là đơn vị tiền tệ quốc tế

Vàng giấy

Nhưng chú rùa Fabian vẫn đang kiên trì bò về đích. Năm 1970, IMF tạo ra một đơn vị tiền tệ mới gọi là SDR, hay Quyền Rút vốn Đặc biệt. Báo chí rất lạc quan khi mô tả nó như là “vàng giấy”, nhưng thực ra nó chỉ là một trò ma thuật kế toán không có liên hệ gì với vàng hay bất kỳ thứ gì có giá trị thực. SDR dựa trên “tín dụng” (credit) do các quốc gia thành viên cung cấp. Những credit này không phải là tiền. Chúng chỉ là lời hứa rằng các chính phủ sẽ đánh thuế người dân nước mình để có tiền khi cần. IMF coi đây là “tài sản” sau này sẽ trở thành nguồn tiền “dự trữ” để cho các chính phủ khác vay. Như sẽ thấy trong Chương 10, cơ chế này gần như hoàn toàn giống với mảnh khố kế toán được Cục Dự trữ Liên bang sử dụng để tạo ra tiền từ con số không.

Dennis Turner giải thích rõ hơn:

SDR được biến thành khoản vay cho các nước Thế giới thứ ba bằng cách lập ra những tài khoản séc ở các ngân hàng trung ương và ngân hàng thương mại tại các quốc gia thành viên dưới danh nghĩa các chính phủ đi vay. Những tài khoản ngân hàng này được lập ra từ hư không. Khi IMF phát hành những đồng đô la, franc, bảng Anh và các loại tiền tệ mạnh khác và cung cấp cho một nhà độc tài của Thế giới thứ ba, điều này sẽ gây ra lạm phát ở nước khởi nguồn của đồng

⁵ John Maynard Keynes, *The Collected Writings of, Vol V* (1930 rpt. New York: Macmillan, 1971), p. xx.

tiền đó. Lạm phát xảy ra ở những nước công nghiệp phát triển trong khi sự thịnh vượng lại bị chuyển từ công chúng các nước này sang những nước vay nợ. Và các nước đi vay sẽ không trả nợ.⁶

Khi lập ra IMF, tầm nhìn của John Maynard Keynes - nhà xã hội chủ nghĩa theo trường phái Fabian - là sẽ có một ngân hàng trung ương thế giới phát hành một loại tiền tệ dự trữ gọi là "bancor" để giúp tất cả các chính phủ không còn bị ràng buộc bởi vàng. Với sự ra đời của SDR, IMF cuối cùng cũng đã bắt đầu hiện thực hóa giấc mơ đó.

Cuối cùng người ta cũng đã từ bỏ vàng

Nhưng vẫn còn một cản trở. Một khi đồng đô la vẫn là đồng tiền chủ yếu mà IMF sử dụng, và một khi nó vẫn được quy đổi ra vàng với tỷ giá 35 đô la một ounce thì lượng tiền quốc tế được sinh ra sẽ bị hạn chế. Để IMF có thể vận hành như một ngân hàng trung ương thế giới thực sự có khả năng phát hành tiền *không hạn chế* thì đồng đô la phải bị tách khỏi vàng như là bước đầu tiên của quá trình thay thế nó hoàn toàn bằng bancor, SDR hay một loại tiền khác cũng không bị giới hạn.

Ngày 15 tháng 8 năm 1971, Tổng thống Nixon ký lệnh hành pháp tuyên bố Mỹ sẽ không tiếp tục quy đổi đồng đô la ra vàng nữa. Như vậy giai đoạn biến hình đầu tiên của IMF đã kết thúc. Nó vẫn chưa trở thành một ngân hàng thế giới thực sự vì vẫn chưa có khả năng tạo ra loại tiền tệ quốc tế của mình.

Nó phải dựa vào ngân hàng trung ương của các quốc gia thành viên để cung cấp tiền mặt và cái gọi là tín dụng; nhưng bởi vì các ngân hàng này có thể phát hành bao nhiêu tiền tùy ý nên từ đây về sau sẽ không còn giới hạn nào nữa.

Mục đích ban đầu là duy trì tỷ giá hối đoái cố định giữa các đồng tiền, nhưng từ khi IMF ra đời đã xảy ra hơn hai trăm lần phá giá tiền tệ. Trong khu vực tư nhân, một thất bại lớn như vậy có thể dẫn tới phá sản, nhưng điều này không xảy ra trong thế giới chính trị. Thất bại càng lớn thì áp lực *mở rộng* chương trình càng lớn. Như vậy, khi đồng đô la được tách khỏi vàng và không còn tiêu chuẩn nào để đo lường giá trị của tiền tệ, IMF chỉ cần thay đổi mục tiêu và tiếp tục mở rộng hoạt động. Mục tiêu mới là "giải quyết thâm hụt thương mại".

Thâm hụt thương mại

Thâm hụt thương mại là chủ đề ưa thích của các chính trị gia, nhà kinh tế và người dẫn dắt talk show.

⁶ Dennis Turner, *When Your Bank Fails* (Princeton, New Jersey: Amwell Publishing, 1983), p. 32.

Mọi người đều nhất trí rằng thâm hụt thương mại là xấu nhưng bất đồng về nguyên nhân gây ra thâm hụt. Chúng ta hãy thử giải thích điều này.

Thâm hụt thương mại là tình trạng xảy ra khi giá trị hàng hóa nhập khẩu của một nước lớn hơn xuất khẩu. Nói cách khác, nước đó tiêu nhiều hơn số tiền nó thu được từ thương mại quốc tế. Tình trạng này giống như khi một người tiêu nhiều hơn số tiền anh ta kiếm được. Trong cả hai trường hợp, quá trình này không thể kéo dài trừ khi: (1) tăng thu nhập; (2) rút tiền tiết kiệm; (3) bán tài sản; (4) in tiền; hoặc (5) đi vay tiền. Trừ khi một trong những điều trên xảy ra, người đó hoặc quốc gia đó không còn lựa chọn nào khác là phải giảm tiêu dùng.

Tăng thu nhập là lựa chọn tối ưu. Trên thực tế, đó là lựa chọn duy nhất trong dài hạn. Mọi biện pháp khác đều là tạm thời. Một người có thể tăng thu nhập bằng cách làm việc chăm chỉ hơn hoặc thông minh hơn hoặc nhiều giờ hơn. Tương tự như vậy với một quốc gia. Nhưng điều đó sẽ không xảy ra trừ phi khu vực tư nhân được phát triển trong một hệ thống doanh nghiệp tự do. Vấn đề với lựa chọn này là ít chính trị gia tôn trọng sức mạnh của hệ thống doanh nghiệp tự do. Thế giới của họ được xây dựng dựa trên những chương trình trong đó các quy luật của thị trường tự do bị thao túng nhằm giúp họ đạt được các mục tiêu chính trị mang tính dân túy. Có thể họ muốn tăng thu nhập quốc gia bằng cách tăng năng suất lao động nhưng chương trình nghị sự chính trị của họ ngăn không cho điều đó xảy ra.⁷ Lựa chọn thứ hai là tiết kiệm nhiều hơn. Nhưng hầu như không một chính phủ nào trên thế giới ngày nay lại có bất kỳ khoản tiết kiệm nào. Nợ của các chính phủ luôn lớn hơn tài sản rất nhiều.

Phần lớn các ngành công nghiệp và người dân cũng ở trong tình trạng tương tự. Tiền tiết kiệm của họ đã bị chính phủ tiêu hết.

Lựa chọn thứ ba – bán tài sản – cũng không khả thi đối với phần lớn các quốc gia. Tài sản ở đây nghĩa là những thứ hữu hình ngoài hàng hóa được mua bán thông thường. Mặc dù theo nghĩa rộng thì hàng hóa cũng là tài sản nhưng trong kế toán, chúng được coi là hàng tồn kho (inventory). Tài sản duy nhất của *chính phủ* có tính thanh khoản là vàng, và ngày nay ít quốc gia có được dự trữ vàng. Ngay cả

⁷ Quan điểm của tác giả là đã đến lúc chúng ta cần khiến cho các chính trị gia khoác bộ quần áo của Chú Sam thôi không chỉ trích nữa. Điều này nói dễ hơn làm bởi vì người Mỹ vẫn thích các khoản trợ cấp mang tính bảo hộ: thuế hải quan để bảo vệ người kinh doanh, lương tối thiểu và nghiệp đoàn bắt buộc để bảo vệ người lao động, hạn ngạch trong tuyển dụng để bảo vệ những người bị thiệt thòi, các chương trình bảo hiểm từ lúc lọt lòng đến khi qua đời, trợ cấp thất nghiệp, trợ cấp tàn tật, những biện pháp an toàn và bảo vệ môi trường thái quá – bất chấp chi phí. Hệ thống doanh nghiệp tự do có thể và sẽ tạo ra tất cả những lợi ích này để cạnh tranh giành người mua và người lao động. Nhưng đến khi nào mà những biện pháp này còn là *bắt buộc* và được lựa chọn bởi vì chúng có thể giúp ghi điểm về chính trị mà không tính đến các hiệu quả thì ngành công nghiệp của Mỹ sẽ không bao giờ phục hồi được. Và lúc đó không một lợi ích viễn vông nào còn tồn tại.

trong trường hợp đó thì lượng vàng ít ỏi mà nó có đã bị ghi nợ cho một chính phủ khác hoặc ngân hàng khác. Về tài sản *cá nhân*, các quốc gia, trong ngắn hạn, có thể bán chúng cho người mua từ nước khác để bù lại thâm hụt thương mại. Điều này đã diễn ra ở Mỹ trong nhiều năm, trong đó các cao ốc văn phòng, cổ phiếu, nhà máy và cả doanh nghiệp được bán cho nhà đầu tư nước ngoài. Nhưng thực tế là quốc gia *vẫn* tiêu nhiều hơn số tiền nó kiếm được, và quá trình này không thể kéo dài mãi. Việc nước ngoài sở hữu và kiểm soát ngành công nghiệp và thương mại cũng làm nảy sinh những vấn đề chính trị và xã hội. Các quốc gia kém phát triển không phải lo lắng về điều này bởi vì họ không có nhiều tài sản để bán.

Lựa chọn in tiền

In tiền chỉ là một lựa chọn khả thi khi một quốc gia có được vị thế đặc biệt là đồng tiền của nó được chấp nhận như là phương tiện thanh toán quốc tế, giống như trường hợp của Mỹ. Khi đó, nó có thể tạo ra tiền từ con số không, và các quốc gia khác không còn lựa chọn nào khác là chấp nhận. Do đó, trong nhiều năm, nước Mỹ có thể tiêu nhiều hơn số tiền nó kiếm được bằng cách yêu cầu Cục Dự trữ Liên bang phát hành bao nhiêu tiền tùy nhu cầu.

Khi đồng đô la được tách khỏi vàng năm 1971, nó không còn là đồng tiền quốc tế chính thức của IMF và cuối cùng đã phải cạnh tranh với các đồng tiền khác – chủ yếu là đồng mark Đức và đồng yen Nhật – dựa trên giá trị tương đối của nó. Từ thời điểm đó trở đi, giá trị của đồng đô la ngày càng giảm.

Tuy nhiên, đồng đô la vẫn là phương tiện trao đổi phổ biến. Bên cạnh đó, Mỹ vẫn là một trong những nơi đầu tư an toàn nhất. Nhưng để trao đổi hay đầu tư ở Mỹ thì trước tiên phải đổi tiền sang đồng đô la. Điều này làm cho giá trị của đồng đô la trên thị trường quốc tế cao hơn giá trị thực tế của nó. Do đó, mặc dù Cục Dự trữ Liên bang đã phát hành quá nhiều tiền trong giai đoạn này, nhu cầu đối với đồng đô la của người nước ngoài vẫn tưởng chừng không có giới hạn. Kết quả là Mỹ vẫn có thể tiếp tục tài trợ cho thâm hụt thương mại của mình bằng đồng tín tệ – hay có thể coi là tiền giả - một cách tài tình mà không một nước nào khác trên thế giới có hy vọng làm được.

Chúng ta thường nghe rằng thâm hụt thương mại là điều tồi tệ, và sẽ tốt hơn nếu “làm suy yếu đồng đô la” để chấm dứt thâm hụt thương mại. Làm suy yếu đồng đô la là cách nói khác của tăng lạm phát. Sự thật là nước Mỹ không hề bị tổn hại bởi thâm hụt thương mại. Trên thực tế, chúng ta là người hưởng lợi trong khi các đối tác thương mại của chúng ta là nạn nhân. Chúng ta có ô tô và TV trong khi

họ nhận được một đồng tiền khô hài. Chúng ta có máy móc, thiết bị. Họ nhận được một đồng giấy.

Tuy nhiên quá trình trao đổi này cũng có mặt tối của nó. Một khi đồng đô la vẫn giữ được vị thế là phương tiện thanh toán quốc tế thì nước Mỹ vẫn có thể tiêu nhiều hơn số tiền nó kiếm được. Thế nhưng khi cái ngày đó đến – mà chắc chắn là nó phải đến – khi mà đồng đô la sụp đổ và người nước ngoài không còn muốn nó nữa thì giai đoạn tươi đẹp này của nước Mỹ sẽ chấm dứt.

Khi điều đó xảy ra, *hàng trăm tỷ đô la* đang ở nước ngoài sẽ ào ào đổ về Mỹ, do mọi người ở khắp nơi trên thế giới sẽ cố gắng đổi chúng thành nhiều bất động sản, nhiều nhà máy và nhiều sản phẩm hữu hình hơn nữa, và họ sẽ làm điều này càng nhanh càng tốt trước khi những đồng đô la đó càng trở nên vô giá trị hơn. Cơ lũ đô la này sẽ làm giá cả tăng lên, và chúng ta sẽ phải đối mặt với tình trạng lạm phát mà đáng lẽ phải xảy ra từ nhiều năm trước đó nhưng đã được trì hoãn bởi vì những người ngoại quốc tốt bụng đã lấy đô la từ nền kinh tế của chúng ta để đổi lại hàng hóa của họ.

Gieo nhân nào sẽ gặt quả ấy. Nhưng, khi hậu quả xảy ra, nó sẽ không phải là do thâm hụt thương mại. Nó sẽ xảy ra vì chúng ta có thể *bù đắp* cho thâm hụt thương mại bằng tín tệ do Cục Dự trữ Liên bang tạo ra. Nếu không vì thế thì thâm hụt thương mại đã không thể xảy ra.

Trở lại chủ đề chính, đó là năm cách thức bù đắp cho thâm hụt thương mại. Qua quá trình loại trừ, cách thứ tư – *đi vay* – là lựa chọn của phần lớn các nước trên thế giới ngày nay, và đó là cách mà IMF lựa chọn vào năm 1970. Sứ mệnh mới của IMF là cung cấp các khoản vay để các quốc gia có thể tiếp tục tiêu nhiều hơn số tiền nó kiếm được, nhưng với danh nghĩa “giải quyết thâm hụt thương mại.”

Các khoản vay của IMF: Trái đắng ngọt nào

Các khoản vay này không đến được với các doanh nghiệp tư nhân, nơi chúng có cơ hội sinh lợi. Chúng chảy vào các ngành công nghiệp do nhà nước sở hữu và vận hành, thường xuyên bị tắc nghẽn bởi tệ quan liêu và bị hủy hoại vì tham nhũng. Bị bóng ma thất bại kinh tế bao phủ ngay từ đầu, các chính phủ này tiêu những khoản vay với khả năng trả nợ bằng không. Ngay cả việc trả lãi cũng trở nên quá sức. Điều này có nghĩa là IMF phải quay về với “dự trữ”, quay về với “tài sản”, quay về với “tín dụng”, và cuối cùng là quay về với người đóng thuế để giải cứu cho những nước này.

Trong khi Quỹ Tiền tệ Quốc tế phát triển thành một ngân hàng trung ương có thể phát hành một đồng tiền quốc tế từ hư không thì tổ chức anh em của nó, Ngân hàng Thế giới, trở thành cơ quan cho vay của IMF. Đóng vai *Người cứu rỗi Thế giới*, nó đặt mục tiêu hỗ trợ các nước kém phát triển, giúp đỡ người nghèo và mang lại cuộc sống tốt đẹp hơn cho toàn thể nhân loại. Để đạt được những mục tiêu đầy tính nhân văn này, nó cho các chính phủ vay tiền với điều kiện ưu đãi, thường là với lãi suất thấp hơn lãi thị trường, thời hạn cho vay đến 50 năm, và thường là không phải trả lãi hay gốc trong 10 năm đầu.

Nguồn tài chính cho các khoản vay này đến từ các quốc gia thành viên dưới hình thức những khoản tiền mặt nhỏ, cộng với lời hứa sẽ đóng góp thêm gấp 10 lần nếu Ngân hàng gặp khó khăn. Những lời hứa này, được gọi là “vốn có thể huy động”, hình thành nên một dạng chương trình bảo hiểm FDIC nhưng không cần phải giả vờ duy trì quỹ dự trữ. (Ở khía cạnh này, nó trung thực hơn FDIC khi mà tổ chức này làm ra vẻ duy trì một quỹ dự trữ nhưng trên thực tế, cái gọi là quỹ dự trữ đó cũng chỉ là một lời hứa). Dựa trên khoản tiền gốc ban đầu cộng với rất nhiều “tín dụng” và “lời hứa” của chính phủ các nước công nghiệp phát triển, Ngân hàng Thế giới có thể gia nhập thị trường cho vay thương mại và vay những khoản tiền lớn hơn với lãi suất cực thấp. Nói cho cùng thì các khoản vay này đều được đảm bảo bởi những chính phủ mạnh nhất thế giới, những chính phủ đã hứa sẽ đánh thuế người dân nước mình trong trường hợp Ngân hàng gặp khó khăn. Sau đó nó sẽ sử dụng quỹ này để cho các nước kém phát triển vay với lãi suất cao hơn một chút, và kiếm lợi nhờ quá trình trung gian này.

Khía cạnh không nhìn thấy được của quá trình này, đó là dòng tiền chu chuyển trong đó chính là dòng tiền mà nếu không chảy vào đây thì sẽ được đầu tư trong khu vực tư nhân hoặc trở thành các khoản vay tiêu dùng. Quá trình này hút những đồng vốn mà khu vực tư nhân rất cần, cản trở việc tạo ra việc làm mới, khiến lãi suất tăng lên và kéo lùi sự phát triển của nền kinh tế nói chung.

Chương trình nghị sự ẩn: Chủ nghĩa xã hội thế giới

Mặc dù phần lớn tuyên bố chính sách của Ngân hàng Thế giới là về các vấn đề kinh tế nhưng xem xét kỹ các hoạt động của nó, ta sẽ thấy nó rất chú tâm đến các vấn đề chính trị và xã hội. Không có gì đáng ngạc nhiên nếu chúng ta biết rằng những người sáng lập coi Ngân hàng Thế giới là phương tiện dẫn tới thay đổi chính trị và xã hội. Thay đổi mà nó được thiết kế để mang lại là chủ nghĩa xã hội thế giới, và đó chính là điều mà nó đang đạt được ngày nay.

Chương trình nghị sự ẩn này được thể hiện rõ hơn trong bản chất của cái mà Ngân hàng Thế giới gọi là Các khoản vay theo lĩnh vực (Sectoral Loans) và Các khoản vay để tái cơ cấu (Structural-Adjustment Loans). Trong loại thứ nhất, chỉ một phần tiền được dùng để trang trải chi phí của những dự án cụ thể, trong khi số còn lại là nhằm hỗ trợ những thay đổi chính sách trong lĩnh vực kinh tế. Ở loại thứ hai, *toàn bộ* số tiền là nhằm thúc đẩy thay đổi chính sách và *không một đồng nào* dành cho các dự án. Trong những năm gần đây, gần một nửa các khoản vay dành cho các nước kém phát triển rơi vào loại thứ hai. Những thay đổi chính sách mà các khoản vay này hướng đến là gì? Chúng đều nhằm hướng đến một mục tiêu: *xây dựng chủ nghĩa xã hội thế giới*.

Như các nhà xã hội Fabian đã trù tính, từ chủ nghĩa xã hội sẽ không được sử dụng. Thay vào đó, các khoản vay được cấp cho các dự án thủy điện của chính phủ, các dự án lọc dầu của chính phủ, các nhà máy gỗ của chính phủ, các công ty khai khoáng của chính phủ và các nhà máy thép của chính phủ. Nó được chuyển từ tay những chính trị gia và quan chức này sang tay những chính trị gia và quan chức khác. Khi tiền xuất phát từ chính phủ, được chuyển cho chính phủ, và được chính phủ quản lý, kết quả sẽ là sự bành trướng của chính phủ.

Dưới đây là một ví dụ. Một trong những thay đổi chính sách mà Ngân hàng Thế giới thường yêu cầu như là một điều kiện cho vay đó là nước đi vay phải hạ mức lương xuống. Giả định của họ là chính phủ có quyền – và, một cách chính đáng, *phải* có quyền – quy định mức lương. Nói cách khác, một trong những điều kiện để cho vay là nhà nước phải có quyền lực vô hạn.

Paul Roberts là giáo sư gắn danh William E. Simon về Kinh tế Chính trị tại Trung tâm Nghiên cứu Chiến lược và Quốc tế tại Washington. Ông viết trên tờ *Business Week* như sau:

Toàn bộ “quá trình phát triển” được dẫn dắt bởi niềm tin rằng dựa vào doanh nghiệp tư nhân và đầu tư tài sản là không tương thích với tiến bộ kinh tế và xã hội. Thay vì những con đường dẫn đến thành công đã được kiểm chứng, kế hoạch hóa phát triển thế chỗ các khoản vay và viện trợ nước ngoài để chính phủ các nước kém phát triển có thể kiểm soát hoạt động kinh tế phù hợp với kế hoạch mà các chuyên gia đã vạch ra.

Kết quả là đời sống kinh tế tại các nước kém phát triển bị chính trị hóa ngay từ đầu. Bằng việc trao cho các chính phủ quyền kiểm soát lớn đối với nền kinh tế

của nước mình, Mỹ đã tạo ra những điều kiện hoàn toàn trái ngược với những điều kiện cho tăng trưởng kinh tế.⁸

Ken Ewert giải thích rằng những điều kiện mà IMF đặt ra hiếm khi hướng đến thị trường tự do. Ông nói:

Quý Tiền tệ Quốc tế tập trung vào "các chính sách vĩ mô", như chính sách tài chính và tiền tệ hay tỷ giá hối đoái, và ít chú ý đến những vấn đề cơ bản như quyền sở hữu tài sản cá nhân và sự tự do của doanh nghiệp. Có một niềm tin hàm ẩn rằng với sự "quản lý vĩ mô" phù hợp thì bất kỳ hệ thống kinh tế nào cũng khả thi.

Quan trọng hơn, nó cho phép các chính phủ trên thế giới sung công tài sản của người dân một cách hiệu quả hơn (thông qua thuế ẩn là lạm phát) trong khi đồng thời tăng thêm quyền lực của mình. Ít ai nghi ngờ rằng IMF có ảnh hưởng đến chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới.⁹

Một đặc điểm quan trọng của Các khoản vay Tái Cấu trúc là tiền vay không nhất thiết được sử dụng cho một dự án cụ thể nào. Nước đi vay có thể tùy ý sử dụng chúng. Mục đích sử dụng có thể bao gồm thanh toán lãi vay quá hạn. Như vậy, Ngân hàng Thế giới trở thành một kênh nữa để biến tiền của người đóng thuế thành tài sản của các ngân hàng thương mại, rồi thành những khoản vay đầy rủi ro dành cho các nước Thế giới thứ ba.

Các biện pháp thắt lưng buộc bụng và những kẻ giơ đầu chịu báng

Không phải mọi biện pháp mà IMF và Ngân hàng Thế giới áp dụng đều mang đặc trưng chủ nghĩa xã hội. Một số biện pháp thậm chí còn có vẻ thúc đẩy sự phát triển của khu vực tư nhân như giảm trợ cấp chính phủ và phúc lợi. Chúng có thể bao gồm tăng thuế để làm giảm thâm hụt ngân sách. Những thay đổi chính sách này thường được báo chí gọi là "các biện pháp thắt lưng buộc bụng", và chúng được coi là những quyết định cứng rắn nhằm cứu vãn nền kinh tế đang tụt dốc của các nước kém phát triển. Nhưng, như con sói (đội lột cừu) nói với Cô bé quàng khăn đỏ: "Lừa cháu thật là vui, cháu gái thân mến ạ," những biện pháp thắt lưng buộc bụng này hầu hết là trên lời nói. Các nước đi vay thường phớt lờ những điều kiện vay mà không bị trừng phạt, và Ngân hàng Thế giới vẫn tiếp tục đổ tiền vào. Tất cả là một phần của trò chơi.

⁸ "How 'Experts' Caused the Third World Debt Crisis," by Paul Craig Roberts, *Business Week*, November 2, 1987.

⁹ "The International Monetary Fund," by Ken S. Ewert, *The Freeman*, April, 1989, pp. 157, 158.

Tuy nhiên, những điều kiện “tái cấu trúc” cũng sinh ra một kẻ giơ đầu chịu báng để các chính trị gia có thể đổ lỗi cho thảm cảnh của nước họ là do những “nhà tư bản” lớn, xấu xa từ Mỹ và IMF. Những người dân được giáo dục rằng vai trò của chính phủ là cung cấp cho họ phúc lợi xã hội, chăm sóc y tế, thực phẩm và nhà cửa, việc làm và lương hưu – sẽ không vui khi nghe rằng những “quyền” này đang bị đe dọa. Vậy là họ biểu tình trên đường phố, gây bạo động ở những trung tâm tài chính của thành phố để có thể ăn cắp đồ từ cửa hàng, và tụ tập dưới sự kêu gọi của những chính trị gia hứa hẹn khôi phục hoặc tăng thêm quyền lợi cho họ. Như tạp chí *Insight* mô tả:

Các cuộc biểu tình, bạo động, nổi dậy và bất ổn xã hội ở Argentina, Bolivia, Brazil, Ecuador, Ai Cập, Haiti, Liberia, Peru, Sudan và những nơi khác nhiều khi có nguyên nhân từ các chương trình thắt lưng buộc bụng của IMF...

Một số nước gõ cửa IMF trong khi những mâu thuẫn nội tại đã tích tụ và tùm được IMF làm vật tế thần quá phù hợp.¹⁰

Điều này khá là đúng. Nghiên cứu kỹ hồ sơ của IMF chúng ta sẽ thấy thay vì là người thúc đẩy các biện pháp thắt lưng buộc bụng thì IMF lại trở thành bộ máy của sự lãng phí kiểu xã hội chủ nghĩa và là nguồn cung tiền hào phóng cho những nhà lãnh đạo tham nhũng.

Tài trợ cho tham nhũng và chế độ chuyên quyền

Không ở đâu mà mô hình này lại được thể hiện rõ ràng hơn ở châu Phi. Julius Nyerere, nhà lãnh đạo độc tài ở Tanzania, khét tiếng vì chương trình “thôn làng hóa” trong đó quân đội đẩy những người nông dân ra khỏi đất của họ, đốt lều trại và lừa họ lên xe tải, nhồi nhét như gia súc trên đường đi tái định cư ở các thôn làng của chính phủ. Mục đích là nhằm loại bỏ lực lượng chống đối bằng cách dồn mọi người vào những khu đất được rào kín, nơi họ sẽ bị theo dõi và kiểm soát. Trong khi đó, nền kinh tế đi xuống, các trang trại biến thành đồng cỏ hoang và nạn đói tràn lan. Tuy vậy, Tanzania lại là nước nhận viện trợ trên đầu người lớn nhất từ Ngân hàng Thế giới.

Tại Uganda, lực lượng an ninh của chính phủ tham gia vào các cuộc bắt bớ hàng loạt, tra tấn và giết hại tù nhân. Tình trạng tương tự xảy ra dưới chính quyền khủng bố ở Zimbabwe. Thế nhưng cả hai nước này vẫn tiếp tục nhận được hàng triệu đô la từ Ngân hàng Thế giới.

¹⁰ "IMF Hands Out Prescription for Sour Economic Medicine," *Insight*, February 9, 1987, p. 14.

Zimbabwe (trước đây là Rhodesia) là một trường hợp điển hình. Sau khi giành được độc lập, chính phủ cánh tả đã quốc hữu hóa nhiều đồn điền vốn thuộc sở hữu của di dân da trắng. Những vùng đất tốt nhất trong số này bị các quan chức cao cấp trong đảng cầm quyền chiếm giữ, và số còn lại biến thành các hợp tác xã do nhà nước điều hành. Những hợp tác xã này nhanh chóng làm ăn thua lỗ, đến mức chính người lao động trên các mảnh đất đó phải đi xin ăn. Những khó khăn này không làm cho các chính trị gia theo đường lối xã hội chủ nghĩa chùn bước, năm 1991, họ tuyên bố sẽ quốc hữu hóa một nửa số đồn điền còn lại. Và họ cấm tòa án không được điều tra số tiền đền bù mà các chủ đồn điền được nhận.

Vào thời điểm đó, đại diện của IMF tại Zimbabwe là Michel Camdessus, Thống đốc Ngân hàng Trung ương Pháp và là cựu bộ trưởng trong chính phủ theo đường lối Xã hội của Francois Mitterand. Sau khi được thông báo về kế hoạch quốc hữu hóa thêm đất đai và đưa người đến tái định cư, làm việc trên những vùng đất đó của chính phủ Zimbabwe, Camdessus đã phê duyệt khoản vay trị giá 42 tỷ rand, trong khi biết rõ rằng phần lớn số tiền đó sẽ được dùng cho dự án tái định cư.

Có lẽ sự vi phạm nhân quyền trắng trợn nhất xảy ra ở Ethiopia dưới chế độ Mác-xít của Mengitsu Haile Mariam. Nạn đói năm 1984-85 đe dọa mạng sống của hàng triệu người là kết quả của quá trình quốc hữu hóa và sản xuất nông nghiệp bị phá hủy. Các chương trình tái định cư ồ ạt đẩy hàng trăm ngàn người ra khỏi những vùng đất mà họ từng sở hữu ở phía bắc và lưu đày họ đến những "làng" kiểu trại tập trung ở phía nam, với các trạm gác bao quanh. Một bản báo cáo của tổ chức Bác sĩ Không Biên giới, một tổ chức hỗ trợ y tế tự nguyện của Pháp, tiết lộ rằng chương trình cưỡng bức tái định cư đã giết chết số người tương đương với nạn đói.¹¹ Tiến sỹ Rony Brauman, giám đốc của tổ chức, đã mô tả lại những gì mà họ trải qua:

Dân quân có vũ trang lao vào trại của chúng tôi, lấy đi thiết bị và đe dọa các tình nguyện viên. Một số nhân viên của chúng tôi bị đánh, còn xe tải, thuốc men, thực phẩm dự trữ bị tịch thu. Chúng tôi rời Ethiopia với cái mác là kẻ thù của cách mạng. Chính quyền đã nói đúng. Những tội ác dưới danh nghĩa Kế hoạch Tổng thể của Mengistu đã biến chúng tôi thành kẻ thù của cách mạng.¹²

Tài trợ cho nạn đói và diệt chủng

Trong những năm 80 của thế kỷ trước, toàn thế giới đau lòng trước những bức ảnh trẻ em chết đói ở Ethiopia, nhưng phương Tây không nhận ra một điều rằng đây là

¹¹ "Ethiopia Bars Relief Team," by Blaine Harden, *Washington Post*, December 3, 1985, p. A-21.

¹² "Famine Aid: Were we Duped?" by Dr. Rony Brauman, *Reader's Digest*, October 1986, p. 71.

một nạn đói đã được *lên kế hoạch*. Nó giống như nạn đói mà Stalin gây ra ở Ukraine trong thập niên 1930 và nạn đói mà Mao gây ra cho những người nông dân Trung Quốc trong thập niên 1940. Mục đích của nó là làm cho dân chúng chết đói để họ phải hoàn toàn phục tùng chính quyền, bởi vì đây là một chính quyền quyết định ai được ăn và ai không. Tuy thế, đến sát thời điểm Mengitsu bị lật đổ, Ngân hàng Thế giới vẫn tiếp tục chuyển cho ông ta hàng trăm triệu đô la, phần lớn trong số đó được chuyển đến Bộ Nông nghiệp, chính là cơ quan chịu trách nhiệm về chương trình tái định cư.¹³

Lào đã bỏ tù hàng ngàn tù nhân chính trị; Syria đã thảm sát 20,000 thành viên của phong trào đối lập; Indonesia đã buộc vài triệu người rời bỏ quê hương ở Java; Mặt trận Giải phóng Dân tộc Sandinista ở Nicaragua đã giết hại những người theo phe đối lập và làm cho người dân khiếp sợ để họ phải quy phục; Ba Lan, trong khi là con rỗi của Liên Xô, đã đàn áp một cách tàn bạo các lãnh tụ phong trào công đoàn; và những người Xô viết cũ thảm sát thường dân ở Afghanistan trong khi tiến hành một cuộc chiến tranh gián điệp không ngơi nghỉ chống lại thế giới tự do. Vậy mà những chế độ này vẫn nhận được hàng tỷ đô la từ Ngân hàng Thế giới.

Làm cách nào mà những nhà quản lý của Ngân hàng Thế giới vẫn có thể sống với lương tâm của mình khi cấp tiền cho các chế độ diệt chủng như vậy? Một phần của câu trả lời là họ không được phép có lương tâm. David Dunn, người phụ trách Ethiopia tại Ngân hàng Thế giới, giải thích: "Sự khác biệt chính trị không phải là thứ mà điều lệ ngân hàng cho phép chúng tôi tính đến."¹⁴ Tuy nhiên, phần quan trọng hơn của câu trả lời là tất cả các chế độ xã hội chủ nghĩa đều có tiềm năng diệt chủng, và Ngân hàng Thế giới lại tận tụy với mục tiêu chủ nghĩa xã hội. Sự tàn bạo của các quốc gia này là điều bình thường đối với những người theo chủ nghĩa xã hội một cách nghiêm túc – họ coi đây chỉ là điều tất yếu không may trong quá trình xây dựng xã hội không tưởng của mình. Lenin nói rằng bạn không thể làm món trứng chiên mà không phải đập vỡ vài quả trứng. George Bernard Shaw, một trong những nhà lãnh đạo đầu tiên của phong trào Xã hội Chủ nghĩa Fabian, nói thế này:

Trong xã hội Xã hội chủ nghĩa, bạn không được phép nghèo. Bạn sẽ bị ép cho ăn, cho mặc, cho ở, dạy dỗ và làm việc dù bạn có muốn hay không. Nếu bạn bị phát hiện là không có đủ nghị lực và sự chăm chỉ để bù lại những rắc rối này,

¹³ James Bovard, *The World Bank vs. The World's Poor*, Cato Policy Analysis (Washington, D.C.: Cato Institute, 1987), pp. 4-6.

¹⁴ "Harnessing World Bank to the West," *Insight*, February 9, 1987, p. 8.

bạn có thể bị giết một cách tử tế, nhưng khi còn được cho phép sống, bạn phải sống cho tốt.¹⁵

Những lý do để loại bỏ Cục Dự trữ Liên bang

Những người ở bậc thang trên cùng trong hàng ngũ lãnh đạo của Ngân hàng Thế giới là anh em với các nhà độc tài xã hội chủ nghĩa, những người mà họ làm việc chung hàng ngày. Trong hoàn cảnh phù hợp, họ có thể dễ dàng hoán đổi vị trí cho nhau. Cái mà chúng ta thấy chỉ là phần giới thiệu của những gì sẽ xảy ra với toàn thế giới một khi *Trật tự Thế giới Mới* được hiện thực hóa.

IMF/Ngân hàng Thế giới là các tổ chức được Cục Dự trữ Liên bang bảo trợ. Nó không thể tồn tại nếu không có dòng đô la của Mỹ và sự hào phóng của giới lãnh đạo Mỹ. Fed đã trở thành kẻ đồng lõa ủng hộ các chế độ chuyên quyền trên toàn thế giới. Như đã nói trong phần đầu của nghiên cứu này, đây là một trong những nguyên nhân mà Fed nên bị loại bỏ: *Nó là công cụ của chủ nghĩa chuyên chế.*

Làm giàu bằng cách chống đói nghèo

Trong khi các lãnh đạo cao cấp và lý thuyết gia tại IMF và Ngân hàng Thế giới còn đang mơ về chủ nghĩa xã hội, các lãnh đạo cấp trung và nhà cầm quyền chính trị có những mục tiêu trực tiếp hơn. Nhờ quản lý được quy trình, bộ máy quan chức được hưởng một cuộc sống xa hoa và các chính trị gia nước đi vay có được tài sản và quyền lực. Hệ tư tưởng không phải là điều họ quan tâm. Chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa tư bản hay chủ nghĩa phát xít đối với họ không khác gì nhau, miễn là tiền tiếp tục đổ về.

Graham Hancock là một nhà quan sát sắc sảo của “ngành công nghiệp” viện trợ quốc tế và đã tham gia những buổi hội nghị xa xỉ của họ. Ông có quan hệ cá nhân với nhiều nhân vật hàng đầu. Trong cuốn *Chúa tể của Đói nghèo*, ông nói về các khoản vay Tái Cấu trúc của IMF như sau:

Các vị bộ trưởng tài chính và tổng thống độc tài tham những châu Á, châu Phi và châu Mỹ Latinh nhiệt tình “tái cấu trúc” một cách quá đáng đến nỗi vấp ngã trên chính những đôi giày đắt tiền của mình. Với họ, tiền chưa bao giờ dễ kiếm như thế; không cần quản lý những dự án phức tạp, không cần sổ sách kế toán lằng nhằng, những kẻ nhận hối lộ, những kẻ tàn bạo và những kẻ xấu xa phá

¹⁵ George Bernard Shaw, *The Intelligent Woman's Guide to Socialism and Capitalism* (1928; rpt. New Brunswick, New Jersey: Transaction Books, 1984), p. 470.

lên cười sung sướng trên đường tới ngân hàng. Với họ, tái cấu trúc là một giấc mơ có thực. Cá nhân họ không phải hy sinh bất cứ điều gì. Tất cả những điều họ cần làm – thật kinh ngạc nhưng đúng là như vậy – là *làm cho cuộc sống của người nghèo trở nên khốn khó hơn*, mà điều này thì họ đã quá thành thạo.¹⁶

Tại Ấn Độ, Ngân hàng Thế giới đã tài trợ cho việc xây dựng một con đập khiến 2 triệu người mất nhà cửa, làm ngập 360 dặm vuông và quét sạch một diện tích đất rừng rộng 81.000 mẫu. Tại Brazil, nó tiêu tốn hàng tỷ đô la để “phát triển” một phần lưu vực sông Amazon và tài trợ cho một loạt dự án thủy điện. Kết quả là một diện tích rừng tương đương phân nửa diện tích Vương quốc Anh đã bị xóa sổ và gây ra bao nỗi thống khổ cho người dân do quá trình tái định cư. Tại Kenya, hệ thống tưới tiêu Burra gây ra sự tàn phá khủng khiếp đến mức một phần năm số dân bản địa đã rời bỏ vùng đất này. Chi phí là 50.000 đô la cho mỗi gia đình. Tại Indonesia, chương trình di cư được nêu ở trên đã phá hủy các cánh rừng nhiệt đới – cùng lúc đó Ngân hàng Thế giới lại tài trợ cho các chương trình tái trồng rừng. Chi phí để tái định cư một gia đình là 7.000 đô la, cao gấp 10 lần thu nhập đầu người của Indonesia.

Các dự án chăn nuôi ở Botswana đã tàn phá các đồng cỏ và làm chết hàng ngàn động vật di cư. Điều này khiến cho cư dân bản địa không thể kiếm được thức ăn nhờ săn bắn, do đó phải phụ thuộc vào chính phủ để tồn tại. Trong khi Nigeria và Argentina ngập trong nợ nần thì hàng tỷ đô la từ World Bank được đổ vào để xây dựng các thủ đô mới làm nơi hoạt động của các cơ quan chính phủ và giới cầm quyền. Tại Zaire, Mexico và Philippines, các nhà lãnh đạo chính trị trở thành tỷ phú khi thay mặt nước mình nhận các khoản vay từ Ngân hàng Thế giới. Tại Cộng hòa Trung Phi, các khoản vay của IMF và Ngân hàng Thế giới được dùng để tổ chức lễ lên ngôi cho vị hoàng đế nước này.

Hồ sơ tham nhũng và lãng phí còn tiếp tục kéo dài vô tận. Nhưng điều làm cho người ta thực sự mở mắt là thất bại của các doanh nghiệp nhà nước, những dự án vĩ đại với mục tiêu mang lại thịnh vượng cho các quốc gia kém phát triển. Dưới đây chỉ là một số ví dụ.

Đổi tiền thành thất bại

Trước khi nhận được các khoản vay từ Ngân hàng Thế giới, Tanzania không giàu nhưng nuôi sống được người dân và có tăng trưởng kinh tế.

¹⁶ Graham Hancock, *Lords of Poverty: The Power, Prestige, and Corruption of the International Aid Business* (New York: Atlantic Monthly Press, 1989), pp. 59,60.

Sau khi nhận được các khoản vay trị giá hơn 3 tỷ đô la, Tanzania đã quốc hữu hóa các đồn điền và ngành công nghiệp và biến mọi doanh nghiệp thành công ty nhà nước. Chính phủ cho xây dựng một nhà máy lắp ráp, một xưởng sản xuất lốp xe, các nhà máy điện tử, xa lộ, đường sắt và những con đập. Sản lượng công nghiệp và nông nghiệp của Tanzania giảm gần 1/3. Lương thực là sản phẩm xuất khẩu chính vào năm 1966. Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, Tanzania phải nhập khẩu lương thực – được thanh toán bằng viện trợ nước ngoài và các khoản vay khác từ Ngân hàng Thế giới. Đất nước ngập trong nợ nần mà không có cách gì trả được.

Argentina từng là một trong những nước có mức sống cao nhất khu vực Mỹ Latinh. Thế nhưng sau đó nó đã trở thành nước nhận những khoản vay khổng lồ từ Ngân hàng Thế giới cũng như các ngân hàng thương mại ở Mỹ. Bởi vì tiền rơi vào tay các chính trị gia, nó được sử dụng để xây dựng nên hệ thống duy nhất mà các chính trị gia biết xây dựng: chủ nghĩa xã hội. Tới năm 1982, Tổng Sản phẩm Quốc nội giảm nghiêm trọng, ngành sản xuất giảm chỉ còn một nửa so với năng lực sản xuất, hàng ngàn công ty từng do tư nhân sở hữu buộc phải phá sản, thất nghiệp tăng vọt và tiền trợ cấp xã hội cũng vậy. Tới năm 1989, tỷ lệ lạm phát trung bình là 5.000% và vào mùa hè năm đó, nó vọt lên mức 1.000.000%! Các ngân hàng chào mức lãi suất tiền gửi 600% một tháng với hy vọng ngăn không cho tiền bị chuyển ra nước ngoài. Người dân gây bạo động trên đường phố để đòi thực phẩm, trong khi chính phủ đổ lỗi cho các chủ cửa hàng làm giá cả tăng lên. Đất nước ngập trong nợ nần mà không có cách gì trả được.

Brazil được điều hành bởi quân đội và nhà nước kiểm soát nền kinh tế. Các công ty nhà nước nắm tới 65% tổng đầu tư cho công nghiệp, nghĩa là khu vực tư nhân chỉ có được 35% và tiếp tục bị thu hẹp. Chính phủ dùng tiền đi vay từ các ngân hàng Mỹ để lập ra một công ty dầu mỏ, Petroleo Brasileiro S.A., sau này trở thành tập đoàn lớn nhất khu vực Mỹ Latinh. Mặc dù có trữ lượng dầu mỏ khổng lồ và giá dầu cao kỷ lục nhưng công ty này vẫn thua lỗ và thậm chí còn không sản xuất đủ xăng dầu cho chính người dân nước mình. Năm 1990, lạm phát là 5.000%. Giá cả tăng 164.000 lần so với năm 1960. Một loại tội phạm mới ra đời, được gọi là “tự bảo hiểm chống lạm phát”, người dân bị bắt vì bán hàng hóa với giá thị trường và sử dụng đồng đô la hoặc vàng thay tiền. Được lãnh đạo bởi những người cộng sản, hàng đoàn người đi dọc các con phố, gào lên “Chúng tôi đói. Hãy lấy những gì có thể!” Đất nước ngập trong nợ nần mà không cách gì trả được.

Những gì diễn ra ở Mexico là bản sao của Brazil, chỉ trừ một điều là số tiền còn lớn hơn. Khi nguồn dầu mỏ lớn thứ tư thế giới được phát hiện, các chính trị gia Mexico nhanh chóng chớp lấy cơ hội vàng. Với hàng tỷ đô la vay từ các ngân hàng

Mỹ, họ lập ra Petroleos Mexicanos (PEMEX) và nhanh chóng trở thành nhà sản xuất dầu lớn thứ năm thế giới. Họ cũng xây dựng các nhà máy hóa chất, đường sắt và tiến hành nhiều dự án công nghiệp khác. Các dự án này được vận hành như những cơ quan phúc lợi thay vì doanh nghiệp: quá nhiều người được trả lương, quá nhiều quản lý, mức lương quá cao, quá nhiều ngày nghỉ và những khoản phúc lợi phi thực tế. Các dự án này bắt đầu loạng choạng và thua lỗ. Hàng ngàn doanh nghiệp tư nhân phá sản và tỷ lệ thất nghiệp tăng cao. Chính phủ tăng mức lương tối thiểu, khiến cho thêm nhiều doanh nghiệp phá sản và tỷ lệ thất nghiệp cao hơn nữa. Điều này khiến cho trợ cấp xã hội và trợ cấp thất nghiệp tăng lên. Để trang trải, chính phủ tiếp tục vay thêm tiền và bắt đầu tự in tiền. Lạm phát hủy hoại nốt những gì còn lại của nền kinh tế.

Tiếp đến là kiểm soát giá, cùng với trợ cấp thuê nhà và thực phẩm, và tăng lương tối thiểu gấp đôi. Năm 1982, người Mexico đã bắt đầu đổi đồng peso sang đô la và chuyển tiền tiết kiệm ra khỏi đất nước bởi vì lúc này đồng peso đã gần như mất hoàn toàn giá trị trong thương mại.¹⁷ Năm 1981, mức lương trung bình của người lao động Mexico tương đương 31% mức lương trung bình của người lao động Mỹ. Tới năm 1989, tỷ lệ này giảm xuống còn 10%. Mexico từng là một trong những nước xuất khẩu lương thực chính trên thế giới thì nay phải nhập khẩu lương ngũ cốc trị giá hàng triệu đô la. Vì thế họ lại cần nhiều tiền hơn và đi vay nhiều hơn. Tất cả những điều này xảy ra khi giá dầu ở mức cao và sản xuất dầu mỏ bùng nổ. Một vài năm sau, khi giá dầu giảm, những thất bại và thâm hụt còn khủng khiếp hơn.

Năm 1995, Mexico một lần nữa đứng bên bờ vực vỡ nợ, và một lần nữa tiền của người đóng thuế Mỹ, lần này là 30 tỷ đô la, bị Quốc hội mang ra bảo lãnh cho Mexico. Mặc dù khoản vay này sau đó đã được trả nhưng số tiền đó được vắt kiệt từ những người dân Mexico thông qua một chu kỳ lạm phát khổng lồ khác khiến cho mức sống của họ bị kéo xuống thấp hơn nữa. Đất nước lúc này ngập trong vũng lầy chủ nghĩa xã hội. Đảng Cộng sản, với lời hứa "cải cách" và chủ nghĩa xã hội ở mức độ cao hơn nữa, thu hút số ngày càng đông người và có thể trở thành một lực lượng chính trị đáng gờm.

Và như thế, thiên tiểu thuyết được viết tiếp. Sau khi hàng tỷ đô la được đổ vào các nước đang phát triển trên toàn cầu, chẳng có nơi nào phát triển. Trên thực tế, chúng ta còn chứng kiến điều ngược lại. Phần lớn các quốc gia đều khốn khó hơn sau khi *Những kẻ Cứu rỗi Thế giới* chìa tay ra cho họ.

¹⁷ Chính các ngân hàng Mỹ cung cấp những khoản vay này sẽ hút các khoản tiền bị đưa ra nước ngoài này và cuối cùng thu về chính số tiền mà họ đã cho vay. Đảng nào thì họ cũng có lợi.

Tổng kết

IMF và Ngân hàng Thế giới sinh ra tại một cuộc họp của các nhà tài phiệt và chính trị gia trên toàn cầu được tổ chức tại Bretton Woods, New Hampshire, năm 1944. Mục tiêu công khai là thúc đẩy thương mại quốc tế và ổn định tỷ giá giữa các đồng tiền. Mục tiêu không được công bố thì rất khác. Đó là xóa bỏ hệ thống bản vị trao đổi bằng vàng như là cơ sở định giá tiền tệ và xây dựng chủ nghĩa xã hội thế giới.

Phương thức loại bỏ vàng trong thương mại quốc tế là thay thế nó bằng một loại tiền tệ quốc tế mà IMF, với tư cách là ngân hàng trung ương thế giới, sẽ tạo ra từ con số không. Phương thức xây dựng chủ nghĩa xã hội thế giới là dùng Ngân hàng Thế giới để chuyển tiền – được ngụ ý trang dưới hình thức các khoản vay – cho chính phủ các quốc gia kém phát triển và làm điều này theo một cách thức nhằm đảm bảo sự sụp đổ của các doanh nghiệp tư nhân. Tiền được chuyển từ tay các chính trị gia và quan chức này tới tay các chính trị gia và quan chức khác. Khi tiền được chuyển từ chính phủ này sang chính phủ khác, được kiểm soát bởi chính phủ thì kết quả sẽ là sự bành trướng của chính phủ.

Những lý thuyết gia chi phối hội nghị Bretton Woods là những nhà xã hội chủ nghĩa Fabian nổi tiếng đến từ Anh, John Maynard Keynes và Trợ lý Bộ trưởng Tài chính Mỹ Harry Dexter White. White sau đó trở thành Giám đốc điều hành đầu tiên của Mỹ tại IMF.

Những người theo trường phái Fabian là một nhóm trí thức tinh hoa đồng tình với những người Cộng sản về mục tiêu của chủ nghĩa xã hội nhưng không đồng tình về phương thức. Trong khi những người Cộng sản chủ trương tiến hành cách mạng bằng vũ lực và bạo lực thì những người theo trường phái Fabian chủ trương tiệm tiến và chuyển hóa xã hội thông qua luật pháp.

Sau này người ta mới biết rằng Harry Dexter White là thành viên của một tổ chức cộng sản. Như vậy, một vở kịch phức tạp đang bí mật diễn ra, trong đó hai nhà trí thức đặt nền móng cho thỏa thuận Bretton Woods, một nhà xã hội chủ nghĩa Fabian và một người Cộng sản, phối hợp với nhau để thực hiện mục tiêu chung của họ: chủ nghĩa xã hội thế giới.

Nguồn vốn của IMF và Ngân hàng Thế giới đến từ các nước công nghiệp phát triển, trong đó Mỹ đóng góp phần lớn nhất. Các đồng tiền như đồng đô la, yên, franc, được gia tăng nhiều lần dưới hình thức “tín dụng”. Đây chỉ là lời hứa của các chính phủ thành viên sẽ lấy tiền từ người đóng thuế nước mình nếu Ngân hàng gặp rắc rối với các khoản vay.

IMF dần phát triển thành một ngân hàng trung ương của thế giới, và Ngân hàng thế giới là tổ chức cho vay của IMF. Nó trở thành bộ máy chuyển của cải sang các nước kém phát triển. Điều này làm giảm mức độ phát triển kinh tế của các nước cho vay nhưng không làm tăng mức độ phát triển của các nước đi vay.

Tiền chỉ đơn giản là biến mất trong tham nhũng và lãng phí.

GIỚI THIỆU DỰ ÁN *NGHIENCUUQUOCTE.NET*

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đồng đạo độc giả quan tâm.

Trang chủ dự án: <http://nghiencuuquocte.net/>

Thông tin thêm về Dự án: <http://nghiencuuquocte.net/about/>

Danh mục các bài đã xuất bản: <http://nghiencuuquocte.net/muc-luc/>

Theo dõi Dự án trên Facebook: <https://www.facebook.com/DAnghiencuuquocte>

Ý kiến đóng góp và mọi liên hệ xin gửi về: Lê Hồng Hiệp, nghiencuuquocte@gmail.com